

Bản án số: 06/2019/KDTM-PT

Ngày: 17 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2019/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 15 – 11 – 2018 của Tòa án Nhân dân huyện Đầm D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 234/46/2, Khóm 2, Phường 1, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 196, Trần Hưng Đ, Khóm 8, Phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau. Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 02/4/2019. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1969. (có mặt)

2.2. Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ngã B, xã Trần P, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 97, đường Huỳnh Thúc Kh, Khóm 7, Phường 7, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau – Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 16, ấp Đồng T, thị trấn Cái N, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.2. Ông Lâm Tấn M1. Địa chỉ: Ấp Tân Đ A, xã Thanh T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 278P, đường Nguyễn Mai, khóm 8, phường 8, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.4. Anh Lê Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 58/30, đường Quang Trung, khóm 1, phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (có mặt)

3.5. Bà Huỳnh Hoa N1. Địa chỉ: Ấp Chà L, xã Trần P, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.6. Bà Trần Thị C. Địa chỉ: xã Quách Phẩm B, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.7. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Chà L, xã Trần P, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. (không triệu tập)

3.8. Anh Thái Trọng N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

3.9. Bà Trần Thị Kim O(đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Oanh:

3.9.1. Bà Nguyễn Thị L2. Địa chỉ: Ấp Mỹ T B, xã Mỹ T, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long. (không triệu tập)

3.9.2. Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1962 (có mặt)

3.9.3. Anh Trần Chí T. (không triệu tập)

3.9.4. Chị Trần Thúy Q. (không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thanh Đ – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Ông Trần Thanh Đ cùng vợ là bà Trần Thị Kim Omở Đại lý Kim Ochuyên bán thức ăn tôm và thuốc bảo vệ tôm tại Phường 1, thành phố Cà M. Đại lý Kim Oco thực hiện giao dịch bán thức ăn và thuốc bảo vệ tôm cho Đại lý Y M do vợ chồng ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị Y làm chủ, từ ngày 29/7/2013 đến ngày 08/7/2015.

Khi giao dịch, các bên chỉ thực hiện bằng lời nói, hàng hóa là thức ăn tôm và thuốc do bà Otrực tiếp thực hiện và ghi chép lại khi giao hàng. Hình thức giao hàng là Đại lý gửi Toa và hàng hóa kèm theo hóa đơn cho chủ đồ (không có ký nhận), sau đó chủ đồ giao hàng và hóa đơn lại cho ông M nhận (không có ký nhận); các bên thỏa thuận, khi nhận hàng xong, nếu đầy đủ thì không phải có ý kiến gì, còn nếu thiếu thì ông M sẽ thông báo cho biết.

Quá trình giao dịch, Đại lý Kim Ođã gửi nhiều thức ăn và thuốc qua nhiều chủ đồ gồm: Minh H, Hoài P, Hai D, Tấn M, Ba C. Hình thức thanh toán là: Ông Đ, bà Ođầu tư cho ông M, bà Y bán cho các hộ dân, khi thu được tiền thì thông báo cho ông Đ đến nhận tiền. Trong đó, có nhiều lần ông Đ, bà Ogiao cho anh Lê Văn C đến nhà ông M nhận tiền nhưng không có làm biên nhận hoặc ông M

chuyển khoản thanh toán trực tiếp và bà Ođều có ghi vào sổ lại để theo dõi, giữa các bên không có làm biên nhận giao nhận tiền và cũng không ký sổ đối chiếu công nợ sau khi thanh toán.

Nguyên N dừng giao dịch mua bán là do ông M không trả tiền. Đến ngày 26/7/2015 thì bà Ochết, sau đó ông Đ đến gặp yêu cầu ông M để kết công nợ còn thiếu nhưng ông M không hợp tác nên ông Đ và anh Chuối, anh N đã ghi âm các lần yêu cầu ông M đối chiếu công nợ.

Trên cơ sở các số liệu theo sổ sách bà O ghi lại, ông Đ xác định tổng công nợ đến ngày 08/7/2015 là 2.812.783.000 đồng.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông Đ có yêu cầu ông M đầu tư thức ăn nuôi tôm cho bà Lê Thị L1. Tính đến thời điểm chấm dứt thì bà L1 còn thiếu ông M số tiền là 119.958.000 đồng. Ông Đ đồng ý đối trừ số nợ của bà L1 vào công nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc cầu ông M, bà Y thanh toán số tiền còn lại là 2.692.825.000 đồng.

** Đối với bị đơn là ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị Y và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn K xác định:* Việc Đại lý Kim Ođầu tư thức ăn và thuốc bảo vệ tôm cho Đại lý Y M (do ông M, bà Y làm chủ) để bán cho các hộ dân nuôi tôm công nghiệp là thực tế có xảy ra. Về hình thức thực hiện giao dịch hoàng hóa, thực hiện việc thanh toán như lời trình bày của nguyên đơn là đúng.

Về thời gian thực hiện giao dịch và công nợ: Từ năm 2013 đến ngày 19/5/2014, Đại lý Y M đã thanh toán đủ tiền cho Đại lý Kim Oanh. Từ ngày 19/5/2014 đến ngày 15/6/2015, Đại lý Y M chuyển sang làm đại lý cấp 2 của Đại lý Kim O và được đầu tư tổng số tiền là 502.203.000 đồng.

Trong thời gian này, ông M đã thanh toán cho ông Đ, bà O tổng cộng là 270.000.000 đồng. Đối trừ số tiền số tiền 119.958.000 đồng đầu tư thức ăn nuôi tôm cho bà Lê Thị L1 theo yêu cầu của ông Đ. Như vậy, Đại lý Y M chỉ còn nợ Đại lý Kim O số tiền 112.245.000 đồng.

Do đó, ông M và bà Y chỉ đồng ý thanh toán cho ông Đ 112.245.000 đồng.

** Đối với bà Lê Thị L1 xác định:* Đối với khoản nợ tiền đầu tư thức ăn nuôi tôm 119.958.000 đồng, bà nợ Đại lý Y M 119.958.000 đồng. Bà đồng ý đối trừ và sẽ thanh toán cho ông Đ. Đồng thời, bà L1 và ông Đ tự thỏa thuận thanh toán nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền này.

** Đối với anh Lê Văn C, anh Thái Trọng N xác định:* Hai đoạn băng ghi âm được thực hiện sau khi ông Đ chấm dứt việc mua bán với ông M. Theo yêu cầu của ông Đ, anh Chuối đã đến trực tiếp nhà ông M để đối chiếu công nợ và ghi âm lại cuộc nói chuyện (có anh Chuối và ông M); một lần anh Chuối đi cùng với anh N đến nhà ông M đối chiếu và cũng ghi âm lại cuộc nói chuyện (do anh N ghi âm: Có anh, anh N, ông M và bà Y).

** Đối với các chủ đò Minh Hoàng, Hoài Phương, Hai Dân, Ba Chành xác định:* Đã nhiều lần thực hiện việc vận chuyển hàng hóa của Đại lý Kim O giao cho

Đại lý Y M. Khi giao nhận hàng hóa, các chủ đồ không có thực hiện việc ký nhận, ký giao mà do Đại lý Kim O tự kiểm tra hàng hóa giao, Đại lý Y M tự kiểm tra hàng hóa nhận và các bên không có khiếu nại gì về số lượng hàng hóa giao cho chủ đồ vận chuyển.

** Đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Oanh:* Thống nhất giao cho ông Đ hưởng toàn bộ khoản tiền ông M, bà Y còn nợ.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án Nhân dân huyện Đầm D quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Đ và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị Y.

Ông M, bà Y có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 232.203.000 đồng nhưng được trừ số tiền của bà Lê Thị L1 còn thiếu là 119.958.000 đồng nên ông M, bà Y phải tiếp tục trả số tiền còn lại cho ông Đ là 112.245.000 đồng (một trăm M hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, yêu cầu ông M, bà Y trả số tiền 2.580.580.000 đồng (hai tỷ năm trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng pháp luật, lãi suất chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/11/2018, ông Trần Thanh Đ kháng cáo có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông M, bà Y phải trả cho ông số tiền mua bán thức ăn tôm, thời gian từ 29/7/2013 đến ngày 08/7/2015 là 2.812.783.000 đồng, trừ số nợ bà L1 thiếu ông M 119.580.000 đồng, còn lại 2.692.825.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo. Cho rằng chứng cứ chứng minh là sổ theo dõi bán hàng do bà Oghi chép và Kết quả giám định lời nói của bị đơn có nội dung thừa nhận nợ. Còn bị đơn tranh luận cho rằng nguyên đơn không xuất trình được văn bản nào xác định bị đơn thừa nhận nợ như yêu cầu của nguyên đơn, còn nội dung đoạn ghi âm là của bị đơn nói chuyện với khách hàng khác nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị áp dụng các Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Vào khoảng tháng 7 năm 2013, Đại lý Kim O (do ông Đ, bà Olam chủ) đã đầu tư thức ăn tôm và thuốc bảo vệ tôm cho Đại lý Y M (do ông M, bà Y làm chủ) bán cho các hộ dân nuôi tôm Công nghiệp.

Hình thức giao dịch, Đại lý Kim O gửi thức ăn, thuốc bảo vệ tôm và đơn hàng cho Đại lý Y M thông qua các chủ đồ gồm: Minh Hoàng, Hoài Phương, Hai Dân, Tấn Mãi, Ba Chành. Sau đó chủ đồ giao hàng và đơn hàng lại cho ông M nhận (không có ký nhận). Các bên thỏa thuận: Khi nhận hàng xong, nếu đầy đủ thì không phải có ý kiến gì, còn nếu thiếu thì ông M sẽ thông báo cho biết.

Hình thức thanh toán là: Khi thu được tiền thì Đại lý Y M thông báo cho Đại lý Kim O đến nhận tiền hoặc chuyển khoản trực tiếp do Đại lý Kim O anh.

Quá trình giao dịch, các bên không có xác lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thực hiện bằng lời nói, hàng hóa là thức ăn tôm và thuốc do bà O trực tiếp thực hiện và ghi chép lại khi giao hàng. Sau khi bà O chết thì các bên vẫn chưa thống nhất trong việc đối chiếu công nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên bị đơn đều thừa nhận cũng không xác định được từ khi mua bán (tháng 7/1013) đến năm 2015 tổng số lượng tiền hàng chính xác là bao nhiêu. Do đó vấn đề cần làm rõ và chứng minh là công nợ hiện nay phía bị đơn còn thiếu nguyên đơn là bao nhiêu.

[2]. Đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp thấy rằng:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án Nhân dân huyện Đàm D, nguyên đơn có cung cấp 05 File ghi âm cho rằng giọng nói tại các File ghi âm là giọng nói của ông M, bà Y trong các cuộc nói chuyện về giao dịch, đối chiếu công nợ giữa ông Đ với ông M, bà Y. Đồng thời, có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định giọng nói của ông M, bà Y.

Tại Kết luận giám định số 48/C54(P6) ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện Khoa học hình sự - Tổng Cục Cảnh sát, kết luận:

Đối với file ghi âm: “chuối.m4a” không xác định được tiếng nói trong file ghi âm có phải của ông Lê Văn M hay không nên file ghi âm này không được xem là chứng cứ để xác định công nợ.

Đối với file ghi âm: “ghép.wav” có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung nên không tiến hành giám định. Do đó, đoạn ghi âm này không được xem là chứng cứ để xác định công nợ.

Đối với file ghi âm: “cau81.mp3” và “cau82.1.mp3” không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung nên được giám định. Kết quả giám định xác định người đàn ông được gọi là “anh M” trong 02 file ghi âm này là tiếng nói của ông Lê Văn M. Do đó, 02 đoạn ghi âm này được xem là chứng cứ để xác định công nợ.

Đối với file ghi âm: “gốc.m4a” không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung nên được giám định. Kết quả giám định xác định người đàn ông được gọi là “anh” trong file ghi âm này là tiếng nói của ông Lê Văn M và tiếng nói của người phụ nữ là tiếng nói của bà Huỳnh Thị Y. Do đó, đoạn ghi âm này cũng được xem là chứng cứ để xác định công nợ.

[2.2]. Sau khi xem xét nội dung “Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định” tại các file “cau81.mp3”, “cau82.1.mp3” và “gốc.m4a” thấy rằng:

Tại thời lượng 07 phút 25, file “cau81.mp3”: Người nam 1 có nói: “....Trong số thiếu hai tỷ tám mấy rồi mà một tháng, tôi điện xuống tôi nhắc hoài, một tháng không gửi đồng bạc nào....”. Ông M trả lời liên tục theo câu nói của người nam 1: “Đâu anh nói vậy cũng không phải nữa, là chính vợ chồng tôi, lên tới trên. Trong khi anh chưa có nhắc vợ chồng tôi lên tới...”. Đoạn thoại này thể hiện rõ ông M đã biết công nợ hơn hai tỷ tám nhưng vẫn không có ý kiến.

Tại thời lượng 18 phút 08, file “cau81.mp3: Ông M có nói: “Rồi bây giờ nói tóm lại, là cái công nợ của anh, với hiện tại thì bây giờ thì anh biết rồi. Một số người đã giết không trả, rồi số người đi Bình Dương, đó thì giờ cũng ở trong số rồi. Hiện tại là trên 4 tỷ...”. Như vậy, số nợ người dân địa phương được đầu tư thức ăn, thuốc bảo vệ tôm thiếu ông M là trên bốn tỷ nhưng quá trình tham gia tố tụng, ông M xác định ngày 19/5/2014 đến ngày 15/6/2015, Đại lý Y M chuyển sang làm đại lý cấp 2 của Đại lý Kim O và được đầu tư tổng số tiền là 502.203.000 đồng là không hợp lý, có dấu hiệu khai gian dối để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ.

Tại thời lượng 06 phút 36 đến 09 phút 35, file “gốc.m4a”: Người nam 2 có nói: “...Tại vì coi số cộng lại hết luôn á, là cái một tỷ hai hồi năm rồi đó, đáng lẽ trong đầu năm là anh phải thanh toán rồi mà nó cũng kéo dây đưa tới bây giờ, đầu năm tới giờ buôn bán nó ba tỷ á, mà anh chỉ gửi về có một tỷ mấy á, cái số tiền quá ít đi”. Ông M trả lời liên tục theo câu nói của người nam 2: “Ba tỷ mà gửi một tỷ mấy mà ít là sao?...”. Như vậy, việc người nam nói về số công nợ năm trước là một tỷ hai, tiền đầu tư năm nay là 03 tỷ và đã trả được một tỷ mấy thì ông M không phản đối mà còn cho rằng trả một tỷ mấy là không ít. Như vậy, việc ông M xác định năm 2013 đến ngày 19/5/2014, Đại lý Y M đã thanh toán đủ tiền cho Đại lý Kim O là không đúng sự thật. Việc đã thanh toán cho ông Đ, bà Ogiai đoạn từ ngày 19/5/2014 đến ngày 15/6/2015 tổng cộng là 270.000.000 đồng là cũng không phù hợp.

Tại thời lượng 19 phút 46 file “gốc.m4a”: Ông M xác định: “... Từ hồi tết tới giờ, lấy 3 tỷ, tao đang hết tỷ rưỡi rồi, còn cái gì nữa”. Tại thời lượng 46 phút 55 file “gốc.m4a”: Bà Y nói “...hơn 1 tỷ rưỡi là cái tỷ hai mình để đó... tỷ rưỡi, là công nợ lên á, là trong năm nay là cho nó thêm 1 tỷ rưỡi nữa”. Như vậy, theo đoạn ghi âm ông M và bà Y xác định thì công nợ năm cũ là 1 tỷ hai, công nợ năm mới là 1 tỷ rưỡi. tổng công nợ là 2 tỷ bảy trăm triệu đồng.

[2.3]. Từ nội dung các đoạn ghi âm trên thể hiện: Khi kết thúc năm thì giữa Đại lý Y M và Đại lý Kim O có đối chiếu công nợ nhưng không có lập thành văn bản. Theo bị đơn xác định thì nợ năm cũ (năm 2014) được thể hiện là 01 tỷ hai; nợ từ đầu năm 2015 đến khi ngừng đầu tư là 01 tỷ rưỡi.

Đối với phía nguyên đơn thì xác định công nợ dựa trên các số liệu theo sổ sách bà Ogih lại là 2.812.783.000 đồng. Chênh lệch so với số công nợ bị đơn thừa nhận tại các đoạn ghi âm là 112.783.000 đồng. Do các bảng kê mua bán hàng thể hiện số liệu trên sổ sách là do các bên tự ghi lại, không thể hiện cụ thể các giao dịch mua bán, việc giao nhận, thanh toán, không có sự đối chiếu ký nhận sổ sách

giữa các bên nên chưa đủ điều kiện để xem xét chấp nhận toàn bộ số công nợ là 2.812.783.000 đồng mà chỉ có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số nợ là 2.700.000.0000 đồng.

[3]. Do các bên cùng thống nhất đối trừ số tiền 119.958.000 đồng mà bà L1 còn nợ ông M, bà Y nên cấp phúc thẩm đối trừ số tiền này và buộc ông M, bà Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ số tiền nợ còn lại là 2.580.042.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) là phù hợp.

[4]. Chi phí giám định giọng nói: Do yêu cầu được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này theo khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông M, bà Y có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Đ tiền chi phí giám định là 15.180.000 đồng (M lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

[5]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông M và bà Y phải chịu án phí là: 72.000.000 đồng + 580.042.000 đồng x 2% = 83.600.800 đồng.

- Ông Đ phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận 112.783.000 đồng) và đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận 119.958.000 đồng) là: 232.741.000 đồng x 5% x 50% = 5.819.000 đồng (ông Đ có đơn xin giảm án phí nên xét giảm 50%).

Về án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh Đ.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án Nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Lê Văn M và bà Huỳnh Thị Y có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Thanh Đ số tiền 2.580.042.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ với số 112.783.000 đồng và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn 119.958.000 đồng.

Chi phí giám định: Ông M, bà Y có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Đ tiền chi phí giám định là 15.180.000 đồng (M lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông M, bà Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông M và bà Y phải chịu án phí là 83.600.800 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.998.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008792 ngày 10/5/2017 của Chi cục thi hành án Nhân dân sự huyện Đầm D thì ông M, bà Y còn phải nộp tiếp 80.602.800 đồng.

- Ông Đ phải chịu án phí là 5.819.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008694 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án Nhân dân sự huyện Đầm D thì ông Đ được nhận lại số tiền 38.181.000 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Trần Thanh Đ không phải chịu. Ngày 04/12/2018, ông Trần Thanh Đ đã dự nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008772 tại Chi cục thi hành án Nhân dân sự huyện Đầm D, nay được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án Nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục THADS huyện Đầm D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết